

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 – cảng Quy Nhơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 129/STNMT-CCBVMT ngày 17/01/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 – cảng Quy Nhơn của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 – cảng Quy Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 90/QNP-ĐT ngày 31/01/2023 của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 99/TTr-STNMT ngày 09/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 – cảng Quy Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Hải Cảng và phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Trước khi triển khai dự án, Chủ dự án gửi kế hoạch thi công đến các sở, ngành có liên quan, chính quyền địa phương để theo dõi và giám sát; phối hợp chính quyền các địa phương liên quan tổ chức họp với sự tham gia của các hộ dân chịu ảnh hưởng từ dự án để thông tin về kế hoạch triển khai dự án. Đồng thời, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về việc quản lý và sử dụng khối lượng vật chất nạo vét theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo quy định.

Điều 4. Trong quá trình thi công, trường hợp phát sinh ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường (thông qua kết quả quan trắc môi trường hoặc phản ánh của công dân), Chủ dự án phải tạm dừng thi công để thực hiện các biện pháp khắc phục và đền bù các thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyết định này thay thế Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp Bến số 1 – Cảng Quy Nhơn của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND phường Nhơn Bình;
- UBND phường Hải Cảng;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NÂNG CẤP BẾN SỐ 1 - CẢNG QUY NHƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Đầu tư xây dựng nâng cấp Bến số 1 - Cảng Quy Nhơn.
- Địa điểm thực hiện: phường Hải Cảng và phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi: dự án có diện tích khoảng 189.982 m² (trong đó: diện tích nạo vét khu nước và vũng quay tàu bến số 1 khoảng 173.182 m², diện tích bến số 1 là 16.800 m²).

- Quy mô:

- + Xây dựng 01 cầu cảng liên bờ dài 480 m, đảm bảo tiếp nhận đồng thời 02 tàu tổng hợp, container 30.000 DWT đầy tải.
- + Khối lượng nạo vét khu nước và vũng quay tàu bến số 1: 528.290 m³.

1.3. Phương án thi công nạo vét:

Máy đào gàu dây (công suất 4,2 m³) → Sà lan vận chuyển có gấn thiết bị định vị tự động → Âu chứa tạm để xả vật chất nạo vét → Bơm vật chất nạo vét bằng máy bơm hút cát 250 CV → 02 khu vực bãi đổ có tổng diện tích 17,3 ha thuộc Khu đô thị mới Khu vực Chợ Góc (CG-01).

1.4. Thời gian thi công:

- Tổng thời gian thi công vận chuyển vật chất nạo vét: 170 ngày (dự kiến từ tháng 02/2023 đến tháng 07/2023). Trong đó:

+ Thời gian thi công đắp đê bao, lắp đặt lưới chắn bùn và khơi thông luồng vận chuyển là 30 ngày.

+ Thời gian thi công nạo vét khu nước và vũng quay tàu bến số 1 là 140 ngày.

- Thời gian vận chuyển vật chất nạo vét trong ngày: theo lịch thủy triều và khi mực nước $\geq 1,2$ m.

- Thời gian thực hiện bơm vật chất nạo vét từ âu chứa tạm lên bãi đổ là 12 tiếng/ngày (Từ 06h00 - đến 18h00).

1.5. Các hạng mục công trình của dự án:

1.5.1. Các hạng mục công trình chính: 01 cầu cảng liên bờ, khu nước trước bến và vũng quay tàu.

1.5.2. Các hạng mục công trình phụ trợ:

- Nạo vét âu chứa tạm: kích thước 70x30m, cao độ -3,5mHĐ.
- Nạo vét khu quay trở sà lan: đường kính 120 m, cao độ -1,5mHĐ. Tổng diện tích âu chứa tạm và khu quay trở sà lan là 19.000 m².
- Khơi thông luồng vào âu tạm: chiều dài 3.150 m, chiều rộng 20 m, diện tích luồng tạm khoảng 91.700 m². Tọa độ điểm đầu: X=1.528.197,8982; Y=633.661,3731. Tọa độ điểm cuối: X=1.527.756,2404; Y = 631.381,4032. Cao độ đáy luồng -1,5mHĐ.
- Quy hoạch 02 khu vực bãi đổ vật chất nạo vét với tổng diện tích 17,3 ha thuộc Khu đô thị mới khu vực Chợ Góc (CG-01).

1.6. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: hoạt động của dự án ảnh hưởng chất lượng môi trường nước mặt, tính đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy sản tại hạ lưu sông Hà Thanh và đầm Thị Nại xung quanh khu vực thực hiện dự án.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công, xây dựng:
 - + Hoạt động thi công xây dựng: nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; bụi và khí thải từ các thiết bị thi công.
 - + Hoạt động nạo vét: bụi, khí thải, tiếng ồn từ các thiết bị thi công; nước thải sinh hoạt, nước lẫn bùn, cát phát sinh từ bãi đổ vật chất nạo vét, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; vật chất nạo vét; phát tán chất lơ lửng trong quá trình nạo vét gây đục nguồn nước.
- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ quá trình bốc dỡ hàng hóa, phương tiện giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 8,28 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...
- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 01 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...
- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, cát trên công trường thi công. Thành phần

chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

- Nước lẫn bùn, cát từ bãi đổ vật chất nạo vét phát sinh với lưu lượng khoảng trung bình khoảng $1.859 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng,...

- Nước dẫn tàu và nước thải từ quá trình vệ sinh tàu, sà lan phát sinh với lưu lượng khoảng $12-20 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên phát sinh với lưu lượng khoảng $2,644 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Lượng nước thải từ tàu thuyền cập bến bao gồm nước dẫn tàu, nước thải từ quá trình vệ sinh khoang chứa hàng,.. phát sinh với lưu lượng khoảng $20 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chứa nhiều chất ô nhiễm dạng hữu cơ hòa tan, dầu mỡ,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu, vật chất nạo vét; tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị trong quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x , NO_x , SO_2 , ...

b) Giai đoạn hoạt động

Bụi, khí thải từ quá trình bốc xếp hàng hóa, từ các phương tiện giao thông ra vào dự án. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x , NO_x , SO_2 , ...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 69 kg/ngày . Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

- Khối lượng vật chất nạo vét từ quá trình nạo vét khu nước trước bến, vùng quay tàu khoảng 528.290 m^3 ; âu chứa tạm, khu quay trở sà lan khoảng 38.454 m^3 ; nạo vét và khơi thông tuyến luồng tạm khoảng 83.890 m^3 . Thành phần bao gồm bùn (9,8%) và cát nhiễm mặn.

- b) Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 99 kg/ngày .

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 36 kg trong quá trình thi công xây dựng.

Thành phần chủ yếu là, các loại dầu mỡ thải, dầu động cơ, bóng đèn huỳnh quang thải,...

b) Giai đoạn hoạt động

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc, thiết bị phục vụ quá trình bốc dỡ hàng hóa với khối lượng khoảng 92 kg/năm. Thành phần chủ yếu là các loại dầu mỡ thải, dầu động cơ, bóng đèn huỳnh quang thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu; các máy móc, thiết bị thi công nạo vét như máy bơm hút, máy đào, sà lan,... phát sinh tiếng ồn ảnh hưởng đến công nhân, người dân lân cận khu vực thi công Dự án.

b) Giai đoạn hoạt động

Hoạt động của phương tiện giao thông đường thủy, đường bộ; hoạt động máy móc thiết bị phục vụ quá trình bốc dỡ hàng hóa.

3.4. Các tác động khác

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động giao thông đường bộ, đường thủy có nguy cơ phát sinh sự cố cháy nổ; rò rỉ, tràn dầu; sự cố sạt lở,...

- Hoạt động thi công nạo vét, đổ thải tác động đến hiện trạng đa dạng sinh học; tác động đến hoạt động đánh bắt, nuôi trồng thủy sản của khu vực dự án và khu vực lân cận âu chứa tạm.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

b) Giai đoạn hoạt động

Hoạt động bốc dỡ hàng hóa làm phát sinh tiếng ồn, sự cố cháy nổ, có khả năng ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại khu vực.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công Bến số 1: sử dụng nhà vệ sinh hiện có trên Cảng.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh trên phương tiện nạo vét: được thu gom qua hệ thống bể gắn liền với nhà vệ sinh trên mỗi thiết bị. Định kỳ phương tiện thi công sẽ cập bờ và thuê đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước lẫn bùn, cát từ bãi đổ vật chất nạo vét: quy hoạch bãi đổ bùn cát sau khi nạo vét có kè hoặc đê bao xung quanh. Tận dụng các ao nuôi trồng thủy

sản hiện trạng (đã rút khô nước, thành được gia cố bằng đất đắp) để lưu chứa và lắng nước, cụ thể:

+ Đối với khu vực bãi đổ số 2: nước lẫn bùn, cát được thu gom tuần tự qua các ao: ao số 1 (diện tích 20.000 m²), ao số 2 (diện tích 6.600 m²), ao số 3 (diện tích 3.500 m²) để lắng cặn trước khi thải ra sông. Khối lượng công việc này sẽ do Công ty TNHH Phú Gia Riverside thực hiện theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu đô thị mới khu vực Chợ Góc (CG-01) đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt.

+ Đối với khu vực bãi đổ số 1: nước lẫn bùn, cát được thu gom tuần tự qua các ao: ao số 4 (diện tích 1.700 m²), ao số 5 (diện tích 4.700 m²), ao số 6 (diện tích 2.000 m²) để lắng cặn trước khi thải ra sông.

- Nước dẫn tàu và nước thải từ quá trình vệ sinh tàu, sà lan: định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom nước thải phát sinh.

- Trong quá trình vận chuyển vật chất nạo vét không để nước có lẫn chất rắn lơ lửng trên sà lan rơi vãi trên tuyến luồng vận chuyển.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh hiện có trên Cảng, cách khu vực Dự án khoảng 70 m về phía Tây.

- Nước thải từ các tàu thuyền cập bến: Chủ đầu tư yêu cầu các tàu không xả nước thải trong thời gian cập bến Cảng.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với bãi đổ vật chất nạo vét: phun chế phẩm vi sinh để giảm thiểu mùi hôi.

- Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu: chở đúng tải trọng cho phép, có bạt phủ kín không để rơi vãi.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí nhân viên thường xuyên vệ sinh khu vực sân bãi, bến cảng.

- Đối với các máy móc thiết bị hoạt động: thường xuyên kiểm tra, vệ sinh máy, định kỳ bảo dưỡng thiết bị máy móc bốc xếp hàng hóa.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực nghỉ ngơi, trên phương tiện nạo vét và tập kết tại khu tập trung chất thải rắn hiện trạng trên Cảng.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Khối lượng vật chất nạo vét được vận chuyển, bơm về 02 khu vực bãi đổ có tổng diện tích 17,3 ha thuộc Khu đô thị mới Khu vực Chợ Góc (CG-01) có kè hoặc đê bao xung quanh.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực sinh hoạt, vệ sinh, tập kết tại khu tập trung chất thải rắn hiện trạng trên Cảng.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại để lưu chứa các loại chất thải nguy hại đặt tại nhà chứa chất thải tại kho số 5.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thiết bị sà lan vận chuyển vật chất nạo vét: lắp đặt thiết bị định vị tự động để theo dõi giám sát.

- Lắp đặt lưới chắn bùn (bao gồm: phao nổi, màng ngăn, hệ thống neo, cáp thép và bao đá giữ lưới chắn bùn) có kích thước cao 4 m - 4.5 m, dài 400 m để khoanh vùng khu vực âu chứa tạm, khu quay trở sà lan với diện tích 24.800

m² (trong đó khu vực âu chứa tạm và quay trở sà lan là 19.000 m², khu vực ra vào vũng quay trở sà lan là 5.800 m²) nhằm hạn chế nguy cơ khuếch tán độ đục trong quá trình nạo vét nhằm hạn chế nguy cơ khuếch tán độ đục trong quá trình nạo vét, giảm thiểu mức độ ô nhiễm nguồn nước và hạn chế ảnh hưởng đến hệ sinh thái tại khu vực. Thiết kế cửa vào âu chứa tạm và khu quay trở sà lan. Khi thủy triều lên cửa được mở liên tục; khi thủy triều xuống cửa chỉ mở khi sà lan vào và ra.

- Phối hợp với đơn vị có liên quan và địa phương thực hiện các biện pháp phục hồi đa dạng sinh học khu vực dự án, thả con giống tại các khu vực nạo vét, âu chứa tạm gồm các loài như: tôm sú, hàu sữa, cua, cá chẽm, cá mú,... với tổng kinh phí khoảng 50.000.000 đồng; thời gian thực hiện dự kiến sau khi kết thúc hoạt động nạo vét (Quý III/2023).

- Hỗ trợ, đền bù thiệt hại trong trường hợp quá trình thi công dự án gây sạt lở, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến các công trình và hoạt động đánh bắt, nuôi trồng thủy sản của các hộ dân lân cận khu vực thực hiện dự án.

- Hoàn trả lại khối lượng vật chất nạo vét trong âu chứa tạm, khu quay trở sà lan và khu vực ra vào vũng quay trở sà lan (diện tích 24.800m²) đảm bảo bằng với cao độ hiện trạng theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 140/GP-UBND ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Phú Gia Riverside.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, tràn dầu

Đảm bảo độ dẫn cách cần thiết giữa các thiết bị nạo vét để tránh va chạm. Không đổ nước thải có chứa dầu mỡ xuống khu vực nạo vét.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

Chủ đầu tư thuê tư vấn giám sát độc lập để thực hiện công tác giám sát môi trường trong suốt quá trình thi công. Kết quả giám sát gửi về Chủ đầu tư, đồng thời báo cáo về Sở Tài Nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.

- Giám sát chất lượng nước mặt:

- + Vị trí giám sát:

- * Ngã ba sông, nằm ngoài phạm vi lắp đặt lưới chắn bùn (N1), tọa độ: 1.527.636 - 307.034;

- * Điểm tiếp nhận nước thải của khu vực bãi đổ số 1 (N2), tọa độ: 1.527.365 - 306.584;

* Khu vực hạ lưu sông Hà Thanh, tiếp giáp đầm Thị Nại (N3); tọa độ: 1.527.365 - 306.584;

* Điểm nạo vét vũng quay nước Bến số 1 – Cảng Quy Nhơn (N4), tọa độ 1.524.204; 310.527;

* Khu vực nuôi trồng thủy sản tại Hải Minh (N5), tọa độ: 1.523.199; 311.634.

+ Tần suất giám sát:

* Đối với các điểm giám sát N1, N2, N3: 01 lần/ngày trong 01 tháng đầu tiên kể từ ngày bắt đầu triển khai thi công; 10 ngày/lần từ tháng thứ 2 trở đi (tần suất giám sát có thể điều chỉnh theo yêu cầu của cơ quan chức năng phù hợp với diễn biến môi trường thực tế).

* Đối với các điểm giám sát N4, N5: 02 tháng/lần.

+ Chỉ tiêu giám sát: TSS.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Giám sát chiều sâu:

+ Vị trí: bên trong và bên ngoài khu vực âu chứa tạm và vũng quay sà lan.

+ Tần suất: liên tục trong quá trình thi công.

+ Thông số giám sát: cao độ đáy địa hình.

- Giám sát sạt lở, bồi lắng:

+ Vị trí: đường bờ Bến số 1, đường bờ kè khu vực Khu đô thị Đại Phú Gia.

+ Tần suất: liên tục trong quá trình thi công nạo vét.

- Giám sát chất thải rắn:

+ Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại) trong quá trình thi công xây dựng.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Thông số giám sát: Thành phần và khối lượng các chất thải phát sinh.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động

- Giám sát chất thải rắn:

+ Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại) trong quá trình hoạt động.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần